

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **79/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 16 - 10 - 2019

V/v : “*Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Ngọc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Quang Hoạch

2. Ông Ngô Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Kim A**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp ĐH, xã HN, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Trần Nhật L**, sinh năm 1963.

Nơi cư trú cuối cùng: Ấp ĐH, xã HN, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Chị A, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tiến hành tố tụng chị Trần Thị Kim A trình bày:

Chị và anh Trần Nhật L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 01/6/2000. Cuộc sống chung của vợ chồng chị không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu tính nhau, về lối sống, quan điểm sống không phù hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Đến tháng 5/2012, anh L đã bỏ nhà đi biệt tích đến nay, chị đã báo công an xã, và tìm mọi cách để tìm kiếm nhưng không có kết quả hay thông tin gì từ anh. Đến năm 2019, chị đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Trần Nhật L mất tích và Tòa án đã tuyên bố anh Trần Nhật L mất tích theo Quyết định số 04/2019/QĐST-DS, ngày 19/02/2019. Đến nay, anh L vẫn biệt tích, chị và con không biết anh L đang ở

đâu, làm gì và thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên Chị A xin Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Nhật L.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Trần Anh K, sinh ngày 01/01/2001 và Trần Anh T, sinh ngày 10/02/2002. Cháu Trần Anh K đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Anh T và tạm thời không yêu cầu anh Trần Nhật L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về Nợ chung: Chị A cam kết vợ chồng chị không có nợ chung.

- Về án phí: Chị A xin tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng của Chị A và anh L, kết quả xác minh thể hiện quá trình chung sống vợ chồng Chị A và anh L không hạnh phúc và anh L đã bỏ đi từ tháng 5 năm 2013 đến nay không thấy về. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án cho anh L nhưng anh L không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu của Chị A và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ. Tòa án đã nhiều lần niêm yết Thông báo, giấy triệu tập anh L đến Tòa án để lấy lời khai đối chất; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh không đến Tòa án làm việc.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng, bảo đảm sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án. Về nội dung tranh chấp: Cuộc sống hôn nhân của chị Trần Thị Kim A và anh Trần Nhật L không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị A. Giao con chung là Trần Anh T, sinh ngày 10/02/2002 cho Chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản chung Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung Chị A khai không có nợ chung và anh L cũng không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Về tố tụng: Anh Trần Nhật L đã được Tòa án tuyên bố mất tích mất tích theo Quyết định số 04/2019/QĐST-DS, ngày 19/02/2019 nên Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh L được. Để đảm bảo thủ tục tố tụng, Văn phòng Thừa Phát lại, Tòa án và chính quyền địa phương đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tổng đạt trực tiếp cho anh L được và niêm yết: “Thông báo thụ lý vụ án”, “Giấy triệu tập”, “Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải”, “Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”, “Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ” tại địa chỉ nơi anh L cư trú cuối cùng, tại trụ sở UBND xã HN, huyện TB, tỉnh Đồng Nai và trụ sở Tòa án đúng thời hạn luật định nhưng anh L vẫn

không đến Tòa án làm việc. Do anh L đã được thông báo nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa do vắng mặt anh L cũng đã được tiến hành niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy anh L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị Kim A có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Chị A.

Về nội dung tranh chấp: Chị Trần Thị Kim A yêu cầu ly hôn với anh Trần Nhật L, xin được trực tiếp nuôi con chung là Trần Anh T, sinh ngày 10/02/2002 và tạm thời không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con, đối với con Trần Anh K, sinh ngày 01/01/2001 đã đủ 18 tuổi nên Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung không có, tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các nội dung này đã được Tòa án ghi rõ trong các Thông báo mà anh L đã được niêm yết hợp L nhưng anh L không có ý kiến phản đối, không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai, lời trình bày của chị Trần Thị Kim A, kết quả xác minh tại địa phương thì thấy cuộc sống chung của chị Trần Thị Kim A và anh Trần Nhật L không có hạnh phúc, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trên thực tế, anh Trần Nhật L đã bỏ đi khỏi nhà và địa phương từ tháng 5 năm 2013 đến nay, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Tòa án đã nhiều lần niêm yết hợp L thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải cho anh L để tiến hành hòa giải nhưng anh L không đến, cho thấy anh L không có thiện chí trở về đoàn tụ với Chị A. Đồng thời anh Trần Nhật L đã mất tích theo Quyết định số 25/2018/QĐST-DS, ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom theo quy định tại Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy yêu cầu của chị Trần Thị Kim A về việc xin ly hôn với anh Trần Nhật L là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị Kim A và anh Trần Nhật L có 02 con chung là Trần Anh K, sinh ngày 01/01/2001 và Trần Anh T, sinh ngày 10/02/2002. Cháu Trần Anh K đã đủ 18 tuổi nên Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị A xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Anh T, sinh ngày 10/02/2002 và tạm thời không yêu cầu anh Trần Nhật L phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Nhật L đã được Tòa án thông báo và triệu tập nhiều lần nhưng anh L vẫn không đến Tòa làm việc và cũng không có ý kiến về vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nên Tòa án căn cứ chứng cứ kết quả xác minh tại địa phương để xem xét về điều kiện nuôi con của các bên. Xét về điều kiện nuôi con thì thấy từ tháng 5 năm 2013 đến nay cháu T do chị Trần Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng có nơi ở ổn định

nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim A giao cháu Trần Anh T, sinh ngày 10/02/2002 cho chị Trần Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị Trần Thị Kim A không yêu cầu nên tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về nợ chung và tài sản chung: Chị Trần Thị Kim A cam kết chị và anh L không có nợ chung; Về tài sản chung Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. anh L đã được Tòa án thông báo về các ý kiến, yêu cầu này của Chị A nhưng cũng không có ý kiến gì. Do vậy Tòa án không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của Chị A và anh L trong vụ án này.

[4] Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim A. Chị Trần Thị Kim A được ly hôn với anh Trần Nhật L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Anh T, sinh ngày 10/02/2002 cho chị Trần Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh Trần Nhật L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh Trần Nhật L. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Kim A phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Chị A đã nộp theo biên lai thu số: 001455, ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, người có mặt tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Bàu Hàm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (cấp giấy chứng nhận kết hôn số 020, ngày 18/3/2013);
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hồng Ngọc